

MY FRIENDS

SKILLS 1

- hands-on fun	(n): trò chơi thực tế
- leadership	(n): lãnh đạo
- life skills	(n): kỹ năng sống
- field trip	(n): chuyến đi thực tế
- creativity	(n): óc sáng tạo
- sporty	(adj): ham mê TT, giỏi về TT
- camp	(n) : trại, (v) :cắm trại
- cool	(adj): trầm tĩnh, điềm tĩnh
- violin	(n) : đàn vi ô lông, vĩ cầm